

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2026 của UBND xã Chiên Đàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	45.038,637000	206.103,027145	458
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	38.490,630000	168.901,031686	439
A.1	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	38.490,630000	168.901,031686	439
I	Chi đầu tư phát triển	47,500000	4.760,140170	10.021
1	Chi đầu tư cho các dự án	47,500000	4.760,140170	10.021
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	37.067,176000	164.125,251516	443
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	128,600000	75.918,428076	
	Chi Khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Chi dự phòng ngân sách	458,000000	15,640000	3
VI	Chi tạo nguồn CCTL	650,634000		
VII	Chi từ nguồn viện trợ (GTGC)			
VIII	Chi hỗ trợ các địa phương khác			
IX	Chi từ nguồn tăng thu	267,320000		
A.2	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (không bao gồm chi từ nguồn vốn vay)			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ			
3	Chi đầu tư phát triển khác			

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
II	Chi thường xuyên			
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	Chi Khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Chi dự phòng ngân sách			
VI	Chi tạo nguồn CCTL	650,634000		
VII	Chi từ nguồn viện trợ (GTGC)			
VIII	Chi hỗ trợ các địa phương khác			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	6.548,007000	17.877,276042	273
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	6.548,007000	17.877,276042	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	6.548,007000	17.877,276042	
	<i>Chi đầu tư</i>	<i>3.988,007000</i>	<i>7.890,125675</i>	
	<i>Chi thường xuyên</i>	<i>2.560,000000</i>	<i>9.987,150367</i>	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			
	<i>Chi đầu tư</i>			
	<i>Chi thường xuyên</i>			
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai			
	<i>Chi đầu tư</i>			
	<i>Chi thường xuyên</i>			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
1	Chi đầu tư			
1.1	Vốn nước ngoài			
	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (Ghi thu ghi chi)			
	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước)			
1.2	Vốn trong nước			
	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước			
2	Chi thường xuyên			
2.1	Kinh phí nước ngoài			
2.2	Kinh phí trong nước			
C	CHI TRẢ NỢ GỐC			
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		1.210,117179	
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		18.114,602238	